TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST Ngày: 03 - 3 - 2025 V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Bảo Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 555/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Quốc C, sinh năm 1982
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn*: Phan Thị Tuyết E, sinh năm 1981
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1955
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ngân hàng C1; địa chỉ: Số A Phố L, phường H, quận H, TP Hà Nội;
Đại diện theo pháp luật: Dương Quyết T1, chức vụ: Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Phạm Công T2, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện P, tỉnh Hậu Giang; địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu từ chối tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc Công trình B:

Nguyên đơn và bị đơn là bà Phan Thị Tuyết E tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Về con chung: Có 03 con chung là: Nguyễn Quốc T3, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2002; Nguyễn Quốc N, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2004; Nguyễn Bảo X, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2009. Hiện cháu T3 và cháu N đã trưởng thành, cháu X do bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung gồm có: Phần đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 3.799,8m^2 tại thửa số 210, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 714380, ngày 24 tháng 4 năm 2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp cho ông Nguyễn Quốc C.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng N1, chi nhánh huyện P số tiền gốc là 200.000.000 đồng; nợ Ngân hàng C1, chi nhánh huyện P số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn là bà Phan Thị Tuyết E; về con chung: Đồng ý giao cháu Nguyễn Bảo X cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi; về nợ chung: Yêu cầu chia đôi, mỗi người trả một phần hai là 125.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 12 năm 2024, bị đơn là bà Phan Thị Tuyết E trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quốc C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do nguyên đơn ghen tuông nên nhiều lần đi nhậu về đánh đập, hành hạ rồi đuổi mẹ con bà đi. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay.

Về con chung: Có 03 con chung là: Nguyễn Quốc T3, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2002; Nguyễn Quốc N, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2004; Nguyễn Bảo X,

sinh ngày 17 tháng 7 năm 2009. Hiện cháu T3 và cháu N đã trưởng thành, cháu X do bà trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay.

Tài sản chung gồm có: Khoảng gần 04 công đất tầm nhỏ đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nguyên đơn đứng tên nhưng bà không biết rõ; ngoài ra còn có khoảng 06 công đất do cha, mẹ chồng cho cùng 01 căn nhà cấp 4 do vợ chồng xây dựng trên phần đất này, đã làm thủ tục sang tên nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không biết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện N1 số tiền là 200.000.000 đồng, chưa trả được khoản nào; nguyên đơn nợ riêng Ngân hàng C1 số tiền 50.000.000 đồng, khoản nợ này bà không biết.

Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn; con chung yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo X và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, riêng cháu T3 và cháu N đã trưởng thành nên không đề cập; tài sản chung đồng ý giao tất cả tài sản chung cho nguyên đơn sở hữu và sử dụng, đồng thời nguyên đơn có nghĩa vụ trả tất cả các khoản nợ. Bị đơn yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

- Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chung ngày 23 tháng 12 năm 2024, cháu Nguyễn Bảo X trình bày nguyện vọng muốn sống chung với bị đơn nếu nguyên đơn và bị đơn ly hôn.

- Tại văn bản ngày 03 tháng 01 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Khoảng năm 2010, con của ông là Nguyễn Quốc C được Nhà nước xét cấp nhà tình thương. Do hoàn cảnh con ông không có đất để xây dựng nhà nên ông đồng ý cho vợ chồng ông C xây dựng nhà trên phần đất của ông tại thửa số 139, nhưng không làm thủ tục sang tên, vì ông chỉ cho ở nhờ.

Nay nếu Tòa án giải quyết giao căn nhà cho ông C thì ông và ông Nguyễn Quốc C sẽ tự thỏa thuận. Ông yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Tại đơn xin từ chối tham gia tố tụng ngày 12 tháng 11 năm 2024, ông Phạm Công T2, là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C1 trình bày:

Ngân hàng C1 có nhận được văn bản tố tụng của Tòa án về việc liên quan đến khoản nợ mà ông Nguyễn Quốc C vay của Ngân hàng C1, Phòng giao dịch huyện P, chi nhánh tỉnh H. Tuy nhiên, khoản vay mà ông Nguyễn Quốc C thực hiện giao dịch chưa đến thời hạn thanh toán, đồng thời ông C thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ nên ông không có yêu cầu và xin từ chối tham gia tố tụng. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, Ngân hàng C1, Phòng giao dịch huyện P, chi nhánh tỉnh H sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý với yêu cầu của bị đơn, cụ thể: Đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo luật định; về tài sản chung, nợ chung: Yêu cầu được

sử dụng phần đất có diện tích 3.799,8m^2 tại thửa số 210, sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất và tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C1, chi nhánh tỉnh H, phòng giao dịch huyện P, riêng khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ông đã tự trả nợ xong. Riêng công trình xây dựng trên phần đất do ông Nguyễn Văn T cho ở nhờ tại thửa số 139, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, mà sẽ tự thỏa thuận với bị đơn và ông T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quốc C và bà Phan Thị Tuyết E; về con chung: giao cho bà Phan Thị Tuyết E được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo X, ông Nguyễn Quốc C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: Giao cho ông Nguyễn Quốc C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 3.799,8m^2 tại thửa số 210 và sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng đều đã có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Thời gian sống ly thân đã lâu nhưng các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân; bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3.2] Về con chung:

Đối với các con chung là Nguyễn Quốc T3 và Nguyễn Quốc N đều đã trên 18 tuổi và không có nhược điểm về thể chất, tâm thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Bảo X đã được bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng ổn định từ lúc các đương sự ly thân đến nay, đồng thời cháu X cũng có nguyện vọng muốn sống chung với bị đơn. Do đó, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bị đơn đối với cháu Nguyễn Bảo X là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét cháu Nguyễn Bảo X là con chưa thành niên, nguyên đơn không trực tiếp nuôi dưỡng nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; phía nguyên đơn cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bên không thỏa thuận mức cấp dưỡng, đồng thời không chứng minh được thu nhập và khả năng thực tế của người phải cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu, buộc bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng bằng một phần hai mức lương tối thiểu vùng IV là: 3.450.000 đồng/tháng x ½ = 1.725.000 đồng/tháng.

[3.3] Về tài sản chung:

Căn cứ biên bản thẩm định tại chỗ ngày 31 tháng 12 năm 2024; Mảnh trích đo địa chính số 04/2025 của Công ty cổ phần Đ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật ngày 09 tháng 01 năm 2025; Chứng thư thẩm định giá số 235/2025/01-BĐS ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Công ty cổ phần T5, tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn có tổng giá trị là 882.224.000 đồng, bao gồm:

- 3.799,8m^2 đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa số 210, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 714380 ngày 24 tháng 4 năm 2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp cho ông Nguyễn Quốc C, có giá trị là 474.975.000 đồng;

- Các loại cây trồng trên đất tại thửa 210 gồm có: Cây cho thu hoạch chưa ổn định: Bưởi: 57 cây, M: 84 cây, Chuối 06 cây; cây còn nhỏ, chưa phát triển: Dừa: 110 cây, chuối: 09 cây. Tổng giá trị các loại cây trồng là 259.926.000 đồng.

- Công trình xây dựng trên phần đất do ông Nguyễn Văn T cho ở nhờ gồm có: Nhà chính, có kích thước: 4,5 x 9 + 4 x 7,2 (m); kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole tráng kẽm, nền lót gạch bông. Mái che, có kích thước: 2 x 4,5 + 1,5 x 4,2 (m); kết cấu: Khung cột gỗ tạp, mái tole tráng

kẽm, nền láng xi măng. Lối đi, có kích thước: 1,3 x 9 + 3,5 x 9 (m); kết cấu: Nền láng xi măng. Bàn thờ ông T4 có kết cấu: Trụ xây gạch. Nhà kho, có kích thước: 3,5 x 6,7 (m); kết cấu: Khung cột gỗ tạp, vách tole, mái tole, nền láng xi măng. Tổng giá trị các công trình xây dựng là 147.322.693 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng ý giao toàn bộ tài sản chung cho nguyên đơn toàn quyền sở hữu và sử dụng, đồng thời yêu cầu nguyên đơn tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa, nguyên đơn thống nhất với yêu cầu của bị đơn nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các công trình xây dựng trên phần đất do ông Nguyễn Văn T cho ở nhờ tại thửa số 139. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cho nguyên đơn được quyền sử dụng 3.799,8m^2 đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa số 210, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 714380 ngày 24 tháng 4 năm 2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp cho ông Nguyễn Quốc C, và được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất gồm: 57 cây Bưởi, 84 cây Mít và 06 cây Chuối cho thu hoạch chưa ổn định; 110 cây Dừa và 09 cây Chuối còn nhỏ, chưa phát triển. Đối với công trình xây dựng trên phần đất do ông Nguyễn Văn T cho ở nhờ tại thửa số 139, do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung:

[3.4.1] Đối với khoản nợ Ngân hàng N1, Chi nhánh huyện P, tỉnh Hậu Giang: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định đã tự trả tất toán khoản nợ này, đồng thời phía bị đơn đồng ý giao toàn bộ tài sản cho nguyên đơn trả nợ nên yêu cầu Tòa án không đặt ra xem xét; đại diện Ngân hàng N1, Chi nhánh huyện P, tỉnh Hậu Giang cũng có văn bản xác định nguyên đơn đã tất toán khoản nợ này nên không có yêu cầu và đề nghị từ chối tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4.2] Đối với khoản nợ Ngân hàng C1, Chi nhánh tỉnh H, Phòng giao dịch huyện P, tỉnh Hậu Giang: Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý tự chịu trách nhiệm khoản nợ này mà không yêu cầu bị đơn liên đới; đại diện Ngân hàng C1 xác định khoản nợ này chưa đến hạn thanh toán, đồng thời quá trình vay nợ nguyên đơn trả nợ đầy đủ và đúng hạn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện yêu cầu nguyên đơn trả nợ bằng vụ kiện khác; đại diện Ngân hàng C1 cũng đã có đơn xin từ chối tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét, mà ghi nhận cho Ngân hàng C1 được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác nếu có phát sinh tranh chấp.

[4] Từ những phân tích trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí cấp dưỡng, án phí chia tài sản và toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 157, 158, 165, 166 và khoản 1 Điều 228của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 38, 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, các điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Quốc C.

1.1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quốc C và bà Phan Thị Tuyết E.

1.2. Về con chung: Bà Phan Thị Tuyết E được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo X, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2009; ông Nguyễn Quốc C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng số tiền là 1.725.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/3/2025) cho đến khi cháu Nguyễn Bảo X đủ 18 tuổi. Bà Phan Thị Tuyết E cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Quốc C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Quốc C được quyền sử dụng 3.799,8m^2 đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa số 210, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 714380 ngày 24 tháng 4 năm 2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp cho ông Nguyễn Quốc C, và được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất có: 57 cây Bưởi, 84 cây Mít và 06 cây Chuối cho thu hoạch chưa ổn định; 110 cây Dừa và 09 cây chuối còn nhỏ, chưa phát triển.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Quốc C phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 án phí hôn nhân sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng và 33.395.000 án phí chia tài sản, tổng cộng là 33.995.000 đồng (ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007107 và 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0007106, cùng ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, ông Nguyễn Quốc C còn phải nộp 29.945.000 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Quốc C phải chịu 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông Nguyễn Quốc C đã nộp xong, không ai phải nộp thêm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- UBND xã Tân Phước Hưng, H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng